

Bản án số: 03/2022/HNGĐ - ST.

Ngày: 26/01/2022.

“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 31/12/2021; Về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13/01/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị Thu T, sinh năm 1982;

Nơi ĐKKHKT: Khu 13, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở tại: Motomachidori, Kobe, Japan (Nhật Bản).

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trang: Anh Nguyễn Lâm P, sinh năm 1997;

Địa chỉ: số 91a, phố N, phường Y, quận C, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983;

Nơi ĐKKHKT: Khu 13, xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Mai Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Q kết hôn ngày 03/01/2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được khoảng 10 năm. Đến ngày 23/4/2017 chị T sang lao động tại Nhật Bản thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm,

lối sống, chuyện kinh tế gia đình, điều kiện công việc nên hai vợ chồng xa cách nhau, tình cảm cũng dần phai nhạt, hai bên thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng cả hai không còn liên lạc gì với nhau nữa nên chị T có đơn xin ly hôn gửi từ Nhật Bản về đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết M - sinh ngày 19/9/2006, cháu Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008 và cháu Nguyễn Mai Quỳnh A- sinh ngày 10/5/2015. Hiện nay cả 03 con chung đang ở với anh Q, khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006 và cháu Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008; còn cháu Nguyễn Mai Quỳnh A- sinh ngày 10/5/2015 để anh Q được trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị T xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do chị T đang làm việc tại Nhật Bản không thể có mặt khi Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh Q nên chị T ủy quyền cho anh Nguyễn Lâm P, sinh năm 1997; Địa chỉ: số 91a, phố N, phường Y, quận C, TP Hà Nội. Thay chị T nhận các văn bản tố tụng, nộp các khoản phí, lệ phí liên quan tới quá trình tòa án giải quyết việc ly hôn của chị và anh Q.

Đại diện theo ủy quyền của chị Mai Thị Thu T, anh Nguyễn Lâm P trình bày: Anh đồng ý nhận sự ủy quyền của chị Trang. Anh Phú đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan sẽ giao lại cho chị T đúng, đủ.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày: Anh Q xác định vợ chồng kết hôn ngày 03/01/2006, trước khi kết hôn có tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, đến tháng 4/2017 chị T đi lao động ở Nhật Bản thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, chuyện kinh tế gia đình, tình cảm vợ chồng xa cách và thường xuyên vợ chồng tranh cãi nhau trong khi liên lạc nói chuyện và vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa. Nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Q xác định vợ chồng có ba con chung; cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006, Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008, Nguyễn Mai Quỳnh A- sinh ngày 10/5/2015. Hiện nay cả ba con đang ở với anh, khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi hai con chung cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006, Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008; còn cháu Nguyễn Mai Quỳnh A- sinh ngày 10/5/2015 để anh được trực tiếp nuôi, anh hoàn toàn nhất trí. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị T đang ở nước ngoài nên anh sẽ tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006, Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008 cho

đến khi chị T về nước anh sẽ giao lại hai cháu cho chị T được nuôi. Trong thời gian anh Nuôi hai cháu Mai và Đông anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về Tài sản chung, riêng, công nợ: Anh Q xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, riêng và cũng không nợ ai tài sản gì. Nên khi ly hôn anh không có yêu cầu gì.

Về công sức đóng góp của vợ chồng: Anh Q xác định vợ chồng không có đóng góp công sức gì cho hai bên gia đình. Nên khi ly hôn anh không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án đã tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện VKSND tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điều 51, 55, 81, 82, 83, 123 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35; điều 37; khoản 4 điều 147; điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thu T và anh Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh chị: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006 và cháu Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008 cho chị Mai Thị Thu T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến khi lao động tự túc được; Giao cho anh Q nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Nguyễn Mai Quỳnh A- sinh ngày 10/5/2015 đến khi lao động tự túc được. Về cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mai Thị Thu T nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn Q tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai chị T trình bày hiện đang sống và làm việc tại Nhật Bản. Đơn xin ly hôn, bản tự khai điều nghị ngày 21/12/2021 và có xác nhận của Tổng lãnh sự quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ô-SA-KA Nhật Bản. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 37;

điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Trong vụ án này chị T không có mặt ở Việt Nam và trong đơn xin ly hôn cũng đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kèm theo đơn xin ly hôn, bản tự khai chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mai Thị Thu T và anh Nguyễn Văn Q trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/01/2006 tại UBND xã Y, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh Q đã xảy ra mâu thuẫn theo như lời khai của chị T và anh Q thì vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, chuyện kinh tế gia đình, tình cảm vợ chồng xa cách và thường xuyên vợ chồng tranh cãi nhau trong khi liên lạc nói chuyện và vợ chồng không còn lên lạc gì với nhau nữa. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Còn anh Q cũng có quan điểm nay chị T xin ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần công việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Q là phù hợp với Điều 55 của luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh Q đều xác nhận vợ chồng có 03 con chung cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006, Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008 và cháu Nguyễn Mai Quỳnh A- sinh ngày 10/5/2015. Khi ly hôn chị T xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006 và cháu Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008; còn cháu Nguyễn Mai Quỳnh A- sinh ngày 10/5/2015 để anh Q được trực tiếp nuôi, anh Q hoàn toàn nhất trí. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh Q tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị T đang ở nước ngoài nên anh Q sẽ tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006, Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008 cho đến khi chị T về nước anh sẽ giao lại hai cháu cho chị T được nuôi. Trong thời gian anh Nuôi hai cháu Mai và Đông anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Xét nguyện vọng của cả hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận việc tự nguyện giao nuôi con chung của chị T và anh Q là phù hợp với Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T và anh Q đều xác định không có nên không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Mai Thị Thu T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 51, 55, điều 81, 82, 83 và điều 123 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 điều 207; khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Thu T và anh Nguyễn Văn Q.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh Q như sau: Giao cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006 và cháu Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008 cho chị Mai Thị Thu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu Nguyễn Mai Quỳnh A- sinh ngày 10/5/2015 cho anh Nguyễn Văn Q được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Trong thời gian chị T ở nước ngoài anh Q sẽ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Tuyết M- sinh ngày 19/9/2006, Nguyễn Văn Đ- sinh ngày 16/7/2008 cho đến khi chị T về nước anh Q có trách nhiệm giao lại hai cháu Mai và Đông cho chị T được nuôi dưỡng. Trong thời gian anh Q nuôi dưỡng hai cháu Mai và Đông, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q. Vì anh Q tự nguyện không yêu cầu.

Chị Mai Thị Thu T và anh Nguyễn Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T và anh Q đều xác định không có nên không yêu cầu do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Mai Thị Thu T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí do anh Nguyễn Hữu Hợp nộp thay tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000129 ngày 30/12/2021 Tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Anh Q có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của chị T là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hảo

Nguyễn Ngọc Thắng

Nguyễn Hà Giang

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hà Giang

